TOÀ ÁN ND Q.SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **49**/2022/DS-ST
Ngày 28.12.2022
V/v: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lệ Thủy và ông Nguyễn Văn Đích.

Thư ký phiên tòa: Ông Lã Phú Huy - Thư ký TAND quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28.12.2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 145/2022/TLST- HNGĐ ngày 10.10.2022, về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 21.11.2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 124/2022/QĐST- HNGĐ ngày 05.12.2022; giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Thế Đ, sinh năm 1978. *Có mặt*

**** Bị đơn:*** Bà Phan Thị Huyền Tr, sinh năm 1983. *Vắng mặt*

Cùng trú tại: Tổ 90, phường NHĐ, quận S, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 22.8.2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Thế Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và Bà Phan Thị Huyền Tr kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND phường NHĐ, quận S, TP Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại Tổ 90, phường NHĐ, quận S, TP Đà Nẵng

Trong quá trình chung sống thì chúng tôi phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Từ năm 2017 đến nay chúng tôi đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Phan Thị Huyền Tr.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Thế Đ xác định bà và bà Phan Thị Huyền Tr không có con chung

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thế Đ xác định ông và bà Phan Thị Huyền Tr không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Thế Đ xác định không có.

** Bị đơn bà Phan Thị Huyền Tr đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của bà Trâm trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.*

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn Thế Đ kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn bà Phan Thị Huyền Tr không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

-Về nội dung vụ án: Xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của ông Nguyễn Thế Đ và bà Phan Thị Huyền Tr đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã được UBND phường Nại Hiên Đông xác nhận nên căn cứ vào Điều 51,56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế Đ.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: ông Đức xác nhận không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

-Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn ông Nguyễn Thế Đ và bà Phan Thị Huyền Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

-Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 05.12.2022 và cũng như phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn bà Tr, nhưng bà Tr vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bà Tr.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Ông Nguyễn Thế Đ và bà Phan Thị Huyền Tr kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND phường NHĐ, quận S, TP Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, ông Đức và bà Trâm chung sống tại Tổ 90, phường NHĐ, quận S, TP Đà Nẵng

Theo ông Nguyễn Thế Đ trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như thường xuyên cãi nhau. không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông Đức đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tr.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Tr không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng điều này thể hiện bà Trâm không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt này.

Theo xác minh tại UBND phường NHĐ, quận S, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa ông Đ và bà Tr mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ nhưng nhiều năm nay hai người đã không còn chung sống với nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà Tr đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông Đ yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] ***Về quan hệ con chung***: Ông Đ xác định giữa ông và bà Tr không có con chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.3] ***Về tài sản chung và nợ chung***: Ông Đ xác định giữa ông và bà Tr không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Nếu sau này có tranh chấp về vấn đề tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng ông Đ phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: *Các* Điều 51, 53, 54,56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp ly hôn"* của ông Nguyễn Thế Đ đối với bà Phan Thị Huyền Tr.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Thế Đ được ly hôn bà Phan Thị Huyền Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35 do UBND phường NHĐ, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 29.3.2013 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Đ xác định giữa ông và bà Tr không có con chung nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ khai nhận không có nên HĐXX không xem xét.

4. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng ông Nguyễn Thế Đ phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006438 ngày 10.10.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Như vậy, ông Đ đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Sơn Trà;
- Chi cụcThi hành án Sơn Trà;
- UBND phường Nại Hiên Đông q. Sơn Trà, TPĐN;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy